

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3024 /UBND-KGVX

Bình Phước, ngày 25 tháng 8 năm 2020

V/v thực hiện Nghị quyết số
10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 (gọi tắt là Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

I. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ nội dung được quy định tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND để triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

II. Để các trường công lập trên địa bàn tỉnh có cơ sở thống nhất triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn như sau:

1. Nội dung chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động

1.1. Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp:

- Hỗ trợ khen thưởng cho học sinh không quá 70% tổng kinh phí khen thưởng cho học sinh trong năm học đối với các hoạt động phong trào văn thể mỹ; phong trào thi đua học tập; phong trào thi đua của trường, của lớp trong năm học và các ngày lễ lớn.

- Mua bổ sung ghế ngồi dự chào cờ, dự lễ cho học sinh.

- Phát đề thi kiểm tra, đề thi học kỳ.

- Mua giấy kiểm tra, giấy thi học kỳ theo mẫu, sổ liên lạc giấy.

- Thuê rạp cho học sinh ngồi dự các ngày lễ.

- Mua học bạ cho học sinh đầu cấp và bổ sung học bạ cho học sinh.

- Hỗ trợ bảo đảm an ninh ngoài nhà trường đối với trường có thực hiện.



- Trả công thuê người quét dọn các phòng học hàng ngày, quét dọn sân trường, dọn dẹp nhà vệ sinh của học sinh.

- Mua dụng cụ để quét dọn, các loại chất tẩy lau chùi, quét dọn nhà vệ sinh dành cho học sinh; mua giấy vệ sinh phục vụ học sinh đối với trường có thực hiện.

(Lưu ý: Khoản thu này không được trích chi cho công tác quản lý thu, chi).

1.2. Khoản thu phí học bán trú đối với trường, lớp có tổ chức dạy:

Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (huyện, thị xã, thành phố), theo nhu cầu đề xuất của phụ huynh học sinh (thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh), nhà trường thỏa thuận với phụ huynh học sinh về chủ trương và mức thu (trong đó phải đảm bảo khẩu phần ăn và sức khỏe của học sinh). Khoản thu này để thực hiện một số nhiệm vụ thay phụ huynh học sinh trong công tác nuôi, dạy trẻ em cấp mầm non và học sinh, cụ thể như sau:

- Trả tiền công cho nhân viên hợp đồng phục vụ, cấp dưỡng các lớp học bán trú chưa được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Hỗ trợ thêm giờ cho giáo viên trông giữ trẻ, học sinh buổi trưa các lớp học bán trú.

- Chi trả cho cán bộ quản lý tại trường; giáo viên, nhân viên tham gia gián tiếp; tiền điện, nước, vệ sinh, tăng cường cơ sở vật chất và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú.

1.3. Khoản thu phí học 2 buổi đối với trường, lớp có tổ chức dạy

- Trả thêm giờ cho giáo viên dạy hai buổi sau khi đã tính đủ tiết dạy theo quy định của từng cấp học.

- Chi trả cho cán bộ quản lý; giáo viên, nhân viên tham gia gián tiếp và trông giữ học sinh học 02 buổi; tiền điện, nước, vệ sinh, tăng cường cơ sở vật chất và các nội dung khác phục vụ hoạt động học 2 buổi/ngày.

2. Công tác quản lý thu, chi

2.1. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động phải đảm bảo nguyên tắc thu vừa đủ chi (nếu có tồn quỹ cuối kỳ không quá 01% trên tổng số thu), mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, chi đúng mục đích.

2.2. Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2.3. Các khoản thu chia thành nhiều đợt; thực hiện giãn thời thu để giảm gánh nặng vào đầu năm học hàng năm cho học sinh, phụ huynh học sinh. Ngoài các khoản kinh phí được thu theo quy định và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các trường công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận bất cứ khoản thu nào khác.

3. Quy trình quản lý, sử dụng các khoản thu

3.1. Các cơ sở giáo dục phải bàn bạc, thỏa thuận với Ban đại diện cha mẹ học sinh bằng văn bản và thông qua Hội đồng trường đúng theo quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ từng cấp học.

3.2. Khi thực hiện tổ chức thỏa thuận thu; các trường phải lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý trực tiếp, cụ thể: Đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, tổng hợp và gửi Sở Tài chính để theo dõi quản lý; đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì lập dự toán thu, chi gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện tổng hợp, trình UBND cấp huyện theo dõi, quản lý.

3.3. Kết thúc năm học phải công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, gửi báo cáo quyết toán tất cả các loại quỹ có tổ chức thu trong năm cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cơ quan quản lý tài chính đã được phân cấp của từng cấp học. Đồng thời, đảm bảo lưu trữ đầy đủ hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và quyết toán theo quy định hiện hành.

3.4. Tất cả các khoản kinh phí thỏa thuận thu do hiệu trưởng nhà trường quản lý duyệt chi trên cơ sở dự toán đầu năm học đã được phê duyệt. Mỗi lớp, mỗi loại quỹ phải có một danh sách riêng được phụ huynh học sinh (hoặc học sinh đối với các lớp từ cấp trung học cơ sở trở lên) ký tên, ghi số tiền đóng góp cụ thể. Tất cả các khoản thu phải được tách riêng và sử dụng quỹ đúng mục đích.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

- Là cơ quan chủ trì, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các trường trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện đúng nội dung Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Công văn này

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các trường có hành vi vi phạm.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp việc quản lý, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trước UBND tỉnh.

- Tổng hợp kết quả việc thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các trường công lập trong toàn ngành để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh và cơ quan cấp trên có thẩm quyền sau khi kết thúc mỗi năm học.

4.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh quản lý việc sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường công lập được phân cấp quản lý trên địa bàn.

- Chỉ đạo thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường công lập được phân cấp quản lý trên địa



bàn để phát hiện sai phạm và kịp thời xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cùng với Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các cơ sở giáo dục biết và thực hiện đúng nội dung Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Công văn này

- Thực hiện chế độ báo cáo việc quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường công lập trên địa bàn sau khi kết thúc năm học hoặc đột xuất (nếu có) về UBND tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo).

4.3. Các trường công lập trên địa bàn tỉnh:

- Phổ biến công khai nội dung Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Công văn này đến tất cả giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh được biết. Tổ chức thực hiện các khoản thu đúng nguyên tắc và quy định tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Công văn này; đồng thời có cơ chế miễn, giảm các khoản đóng góp phù hợp từng đối tượng, hoàn cảnh từng gia đình học sinh theo quy định Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Báo cáo tình hình thu, chi các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục về cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

4.4. Hằng năm, sau khi kết thúc năm học, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Công văn này (qua Sở Giáo dục và Đào tạo)./.

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT.HĐND, TT. UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm CNTT (Sở TT&TT);
- Các trường công lập trên địa bàn tỉnh;
- LĐ VP, các Phòng;
- Lưu: VT(Nga.CV 210.21.8.20).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Tuyết Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2020/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 13 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-VHXX-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông (gọi tắt là học sinh); cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, người thực hiện công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nội dung, mức thu

Mức thu theo quy định dưới đây là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (huyện, thị xã, thành phố), theo nhu cầu đề xuất của cha mẹ học sinh, nhà trường thỏa thuận với phụ huynh học sinh về chủ trương và mức thu cụ thể, nhưng không vượt quá mức tối đa Nghị quyết này quy định. Thu không quá 09 tháng/01 năm học.



Ngoài các khoản kinh phí được thu theo quy định và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường tại Nghị quyết này, các trường công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận bất cứ khoản thu nào khác.

1. Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Trường thuộc thành thị (phường, thị trấn)	Trường thuộc nông thôn (các xã thuộc khu vực I)	Trường thuộc miền núi (các xã còn lại)
1	Trung học phổ thông (Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên)	45.000	40.000	35.000
2	Trung học cơ sở (Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên)	40.000	35.000	30.000
3	Tiểu học, Mầm non	35.000	30.000	25.000

2. Khoản thu phí học bán trú (không bao gồm tiền ăn, nước uống của học sinh)

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Trường thuộc thành thị (phường, thị trấn)	Trường thuộc nông thôn (các xã thuộc khu vực I)	Trường thuộc miền núi (các xã còn lại)
1	Tiểu học	300.000	280.000	260.000
2	Mầm non	320.000	300.000	280.000



(Riêng tiền ăn, tiền nước uống của học sinh: Thỏa thuận trực tiếp theo nhu cầu của phụ huynh học sinh).

3. Khoản thu phí học 2 buổi

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Trường thuộc thành thị (phường, thị trấn)	Trường thuộc nông thôn (các xã thuộc khu vực I)	Trường thuộc miền núi (các xã còn lại)
1	Tiểu học	200.000	180.000	160.000
2	Mầm non	180.000	160.000	140.000

Mức thu trên đã bao gồm tiền lương của các hợp đồng lao động cấp dưỡng do ngân sách không cấp theo quy định của Quyết định số 999-QĐ/TU

ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Công tác quản lý thu, chi

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết cụ thể nội dung chi các khoản và công tác quản lý thu, chi đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm

Căn cứ tình hình thực tế, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất xem xét miễn, giảm cho các trường hợp sau:

1. Miễn các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc một trong các trường hợp sau: Có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; bị tàn tật, khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Giảm 50% các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc một trong các trường hợp sau: con của gia đình hộ cận nghèo; con gia đình kinh tế rất khó khăn; con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *ph*



Huỳnh Thị Hằng